

Số: /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 644/TTr-SNV ngày 10 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban và đoàn thể thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, làng, khối phố, khu phố, khu vực (sau đây gọi chung là thôn, khu phố), được áp dụng thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Thôn, khu phố

1. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn, làng (gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

3. Khu phố, khối phố, khu vực (gọi chung là khu phố); khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, khu phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, khu phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thì ghép vào thôn, khu phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn. Thôn có trên 500 hộ gia đình có thể bố trí 01 Phó Trưởng thôn.
2. Mỗi khu phố có Trưởng khu phố. Khu phố có trên 600 hộ gia đình có thể bố trí 01 Phó Trưởng khu phố.
3. Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người đại diện cho Nhân dân thôn, khu phố, do cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trực tiếp bầu cử và được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, khu phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, khu phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, khu phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, khu phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.
4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, khu phố

1. Hội nghị thôn, khu phố được tổ chức mỗi năm hai lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể tổ chức hội nghị bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Trưởng khu phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự.

2. Việc tổ chức hội nghị thôn, khu phố để Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương III

THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, KHU PHỐ VÀ GHÉP CỤM DÂN CƯ VÀO THÔN, KHU PHỐ HIỆN CÓ

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, khu phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, khu phố mới thì việc thành lập thôn mới, khu phố mới phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

- Đối với thôn: Có từ 250 hộ gia đình trở lên; riêng thôn thuộc xã đảo có từ 100 hộ gia đình trở lên.

- Đối với khu phố: Có từ 300 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

- Thôn, khu phố khi được thành lập mới phải có đủ điều kiện để thành lập chi bộ đảng.

- Thôn, khu phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Các trường hợp đặc thù

a) Thôn, khu phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân; thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa; thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; thôn nằm biệt lập trên các đảo; thôn ở cù

lao, còn trên sông; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Thôn, khu phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, khu phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì ghép vào thôn, khu phố hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

1. Trường hợp sáp nhập thôn, khu phố

a) Đối với các thôn, khu phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Quy chế này thì phải sáp nhập với thôn, khu phố liền kề;

b) Đối với các thôn, khu phố đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Quy chế này thực hiện sáp nhập ở những nơi có điều kiện;

c) Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, khu phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư;

d) Đề án sáp nhập thôn, khu phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, khu phố sáp nhập tán thành.

2. Trường hợp chuyển dân đến định cư tại khu vực mới theo các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện việc giải thể thôn, khu phố hiện có, đồng thời thực hiện thủ tục thành lập thôn mới, khu phố mới theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Tên của thôn, khu phố thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, khu phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Việc đổi tên thôn, khu phố được thực hiện theo nguyện vọng của Nhân dân sinh sống tại thôn, khu phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, khu phố mới

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới tại Điều 7 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, khu phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới;
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới;
- d) Các điều kiện khác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quy chế này;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này);
- b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp gần nhất xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, khu phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành khu phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ xã: Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập

phường, thị trấn từ xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành khu phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, khu phố: Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp gần nhất quyết định giải thể thôn, khu phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, khu phố:

a) Việc đặt tên thôn, khu phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới, sáp nhập thôn, khu phố;

b) Việc đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo các bước như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, khu phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, khu phố; tên của thôn, khu phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố về phương án đổi tên thôn, khu phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến;

- Phương án đổi tên thôn, khu phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, khu phố.

Điều 11. Ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

1. Trường hợp do thực hiện quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới mà không đủ điều kiện để thành lập thôn mới, khu phố mới theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc ghép các cụm dân cư mới hình thành vào thôn, khu phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, khu phố.

2. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương IV

TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn do Trưởng thôn, Trưởng khu phố phân công.

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố.

2. Có độ tuổi từ đủ 21 tuổi trở lên.

3. Hiểu biết về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân tín nhiệm.

4. Có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

5. Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên đối với thôn ở vùng đồng bằng và khu phố và tốt nghiệp Tiểu học trở lên đối với thôn đặc biệt khó khăn, thôn thuộc xã miền núi, vùng cao và hải đảo.

Điều 14. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố và lựa chọn Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố lựa chọn, báo cáo Chi ủy chi bộ thôn, khu phố và thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

- Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của cấp trên thì Trưởng thôn, Trưởng khu phố báo cáo Chi ủy chi bộ thôn, khu phố và thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo đề nghị của Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố hoặc quyết định cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 15. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố là 2,5 năm (hai năm rưỡi). Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

2. Từ năm 2020, nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố thống nhất thực hiện theo nhiệm kỳ của Chi bộ thôn, khu phố. Trưởng thôn, Trưởng khu phố đương nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố nhiệm kỳ mới.

3. Trường hợp do sáp nhập, thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được hưởng tiền bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, khu phố theo quy định hiện hành.

2. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công tác.

3. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; nếu không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cho thôi giữ chức danh theo quy định.

4. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố và bảo đảm các hoạt động của thôn, khu phố được cân đối hằng năm trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sáp nhập, giải thể, đổi tên, thành lập thôn mới, khu phố mới; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển các thôn thuộc xã thành khu phố thuộc phường, thị trấn.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử, công nhận kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

3. Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các thôn, khu phố trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thực hiện Quy chế này.

2. Quy định thời điểm tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố bảo đảm nhiệm kỳ Trưởng thôn, Trưởng khu phố thống nhất với nhiệm kỳ của chi bộ thôn, khu phố.

3. Chỉ đạo việc thực hiện quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đổi tên, đặt tên, thành lập thôn mới, khu phố mới; Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua.

4. Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu

phố và những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

5. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quy trình và hồ sơ đề nghị sáp nhập, giải thể, đổi tên, thành lập thôn mới, khu phố mới, ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; công nhận và cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

3. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Trưởng khu phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy chế này và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp những văn bản dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng